TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 23-5-2023
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Nguyễn Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023; giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Trụ sở: Tòa nhà HM Town số 412 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Văn H- Chức vụ: Chuyên viên hiện trường.

Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Chuyên viên hiện trường (Có mặt).

Địa chỉ: Số 267-269 đường K, quận T, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 27/2023UQ-BVB ngày 15/02/2023).

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc D - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số 382 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Hòa Sơn, Công an thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng B), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày*:

Ngày 31/12/2020, ông Trần Quốc D có ký kết với Ngân hàng B giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số: 02520000512td và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng B . Căn cứ vào thu nhập của ông Trần Quốc D, Ngân hàng B đồng ý cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức là 200.000.000 đồng bao gồm 01 thẻ Visa platinum - STK: 90264507001 hạn mức là 100.000.000 đồng và 01 thẻ JCB platinum - STK: 90264507002 hạn mức là 100.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện giao dịch như sau:

- Đối với thẻ Visa Platinum - STK: 90264507001:

Ông D đã thực hiện 02 giao dịch rút tiền tại ATM và 03 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 102.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 17 giao dịch với tổng số tiền là: 61.079.000 đồng (*thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*). Số nợ gốc ông D còn phải trả là 69.036.251 đồng

- Đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90264507002:

Ông D đã thực hiện 15 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 16.972.795 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 12 giao dịch với tổng số tiền là: 10.418.000 đồng (*thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín*). Số nợ gốc ông D còn phải trả là 10.458.245 đồng.

Tổng nợ gốc ông D còn phải trả là: 79.494.496 đồng.

Theo thỏa thuận, ông D vay theo hình thức thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 06/01/2021 đến 31/01/2024, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 29.5%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 44.25%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng B. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*)

bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 11/07/2022 đối với thẻ Visa Platinum và ngày 12/07/2022 đối với thẻ JCB Platinum, Ngân hàng B đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Dưỡng. Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông D vi phạm thỏa thuận về thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện ông Dưỡng. Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc D phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/08/2022 tổng số tiền là: 101.936.524 đồng, trong đó nợ gốc là: 79.494.496 đồng, nợ lãi là: 19.234.014 đồng, lãi dự thu là: 1.222.943 đồng; phí là: 1.985.071 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng có đơn yêu cầu rút một phần khởi kiện về lãi dự thu là: 1.222.943 đồng và phí là: 1.985.071 đồng, không yêu cầu ông D phải thanh toán.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Quốc D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 23/5/2023 là: 109.961.190 đồng, trong đó: nợ gốc: 79.494.496 đồng, lãi quá hạn: 30.466.694 đồng (cụ thể đối với thẻ Visa Platinum - STK: 90264507001: số tiền nợ gốc là 69.036.251 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.447.504 đồng; đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90264507002: số tiền nợ gốc là 10.458.245 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.019.190 đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 24/5/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Quốc D: Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/03/2023, ông Trần Quốc D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết và thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện giảm lãi cho ông và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết xét xử vắng mặt ông.

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2022 thì nguyên đơn Ngân hàng B yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc D trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số: 02520000512td với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Trước khi bị tạm giam tại Trại tạm giam Hòa Sơn, bị đơn cư trú tại địa chỉ: Số 382 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng B và ông Trần Quốc D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Trần Quốc D vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Quốc D.

[4] Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 25/4/2023, nguyên đơn Ngân hàng B rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi dự thu là: 1.222.943 đồng và phí là: 1.985.071 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu rút 1 phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Quốc D trả số tiền lãi dự thu là: 1.222.943 đồng; phí là: 1.985.071 đồng.

Về nội dung

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Căn cứ vào Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số: 02520000512td ngày 31/12/2020; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 31/12/2020, giữa ông D và Ngân hàng B có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 200.000.000 đồng (cụ thể: 01 thẻ Visa platinum - STK: 90264507001 hạn mức là 100.000.000 đồng và 01 thẻ JCB platinum - STK: 90264507002 hạn mức là 100.000.000 đồng) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách

nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[5.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông D thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền tính đến ngày 23/5/2023 là: 109.961.190 đồng, trong đó: nợ gốc: 79.494.496 đồng, lãi quá hạn: 30.466.694 đồng (cụ thể đối với thẻ Visa Platinum - STK: 90264507001: số tiền nợ gốc là 69.036.251 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.447.504 đồng; đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90264507002: số tiền nợ gốc là 10.458.245 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.019.190 đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 24/5/2023 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như nêu trên thì ông D đã sử dụng khoản tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D vẫn không thanh toán. Như vậy, ông D đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với ông D là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02520000512TD ngày 31/12/2020; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 109.961.190 = 5.498.060 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 13, 14, 15 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Trần Quốc D.

2. Buộc ông Trần Quốc D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền là: 109.961.190 đồng (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm chín mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 79.494.496 đồng, lãi quá hạn: 30.466.694 đồng (tính đến ngày 23/5/2023), (cụ thể đối với thẻ Visa Platinum- STK: 90264507001: số tiền nợ gốc là 69.036.251 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.447.504 đồng; đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90264507002: số tiền nợ gốc là 10.458.245 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.019.190 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quốc D thanh toán lãi dự thu là 1.222.943 và phí 1.985.071 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.498.060 đồng đồng (Năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí 2.548.413 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm mười ba đồng) theo biên lai thu số 0009299 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền